

Bản án số: 144/2023/HS-ST
Ngày 26-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

Ông Nguyễn Nam Tuấn

Bà Nguyễn Thị Linh Chi

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Khánh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 124/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn V; sinh ngày 27 tháng 7 năm 1989 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Á, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Hoàng Thị L; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 14/11/2022; tạm giam từ ngày 16/11/2022; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn V: Ông Lê Đình H, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Đình Hải, Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

Bị hại: Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn Q, xã AT, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị C; vắng mặt;

- Ông Vũ Thiên K; vắng mặt;
- Anh Lê Mạnh T; vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 29/01/2022, Nguyễn Văn V và Anh Lê Mạnh T điều khiển xe mô tô đi đến nhà Anh Phạm Văn Đ (sinh năm 1993, nơi cư trú: thôn Q, xã AT, huyện A) chơi thì thấy anh Đ đang đứng ngoài cửa nhà. V và anh T dừng lại, V ra nói chuyện với anh Đ thì xảy ra mâu thuẫn cãi, đánh nhau, anh Đ chạy vào nhà lấy 01 con dao dạng dao gọt hoa quả chạy ra đê V ngã ra đường dí dao vào cổ Việt thì được bà Đỗ Thị T (là mẹ đẻ anh Đ) và anh T chạy ra can ngăn nên anh Đ đi vào nhà còn V chở anh T về rồi đi về nhà thay quần áo. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày V điều khiển xe mô tô đến thị trấn AL, huyện A để mua đồ, khi đi đến chân cầu N giáp giữa xã TS và xã TD, huyện A, V nhặt được 01 ống kim loại màu đen dài 54cm, đường kính 2,5cm bên trong chứa 01 lưỡi lê kim loại dài 41cm, phần lưỡi bằng kim loại sáng màu dài khoảng 26cm, mũi nhọn; lưỡi sắc bản rộng nhất 02cm; phần cán bằng kim loại dài khoảng 15cm, đường kính 2,2cm bọc đoạn nhựa màu đen dài 4,5cm để vông xe sau đó tiếp tục đi mua đồ. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, anh Đ đi qua khu vực trạm bơm đối diện UBND xã AT, huyện A thì gặp V, thấy anh Đ, V lấy từ vông xe mô tô của V ống kim loại vừa nhặt được chạy đến tay trái cầm vỏ kiếm tay phải rút kiếm ra đâm 01 nhát vào bụng của anh Đ, anh Đ giằng co thanh kiếm với V thì bị thương ở tay, anh Đ bỏ chạy được một đoạn thì gục xuống, sau đó được mọi người đưa đi cấp cứu.

Tại Bản kết luận giám định Pháp y về thương tích số 403/2022/TgT ngày 15/8/2022 của Trung tâm Pháp y Hải Phòng kết luận: Nạn nhân Phạm Văn Đ bị vết thương thấu ngực bụng bên trái gây nên tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do vết rách da khoang liên sườn 6, 7 đường lách sau trái gây nên là 01%; tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tổn thương mang phổi trái gây nên là 03%; tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do rách da cơ hoành trái phải can thiệp phẫu thuật gây nên là 21%; tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thủng hai lỗ dạ dày phải phẫu thuật lại mở thông dạ dày do bọc miệng khâu gây nên là 36%; tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tổn thương lách đã phẫu thuật cắt bỏ lá lách gây nên là 31%; tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do rách thanh mạc đại tràng góc lách phải khâu gây nên là 03%; tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do vết mổ ổ bụng gây nên là 02%; tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do 03 vết dẫn lưu ổ bụng gây nên là 01%, 01% và 01%. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân do các thương tích trên gây nên theo phương pháp cộng tại Thông tư là 69%. Thương tích trên có đặc điểm do vật sắc nhọn hoặc tương đối sắc nhọn tác động trực tiếp gây nên. Với thương tích trên nếu không được cấp cứu kịp thời thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tính mạng của nạn nhân.

Tại Biên bản xác định lại hiện trường thể hiện: Hiện trường của vụ án là trục đường liên thôn thuộc thôn Q3, xã AT, huyện A, phía Bắc giáp với cổng UBND xã AT, phía Nam giáp với trạm bơm nước xã AT, phía Đông là trục đường hướng đi ra công trào xã AT, phía Tây là trục đường hướng đi Trạm y tế xã AT. Hiện trường chính của vụ án là đoạn đường trước cửa UBND xã AT, huyện A, tại vị trí đánh số 01 trên sơ đồ xác định là vị trí Nguyễn Văn V - sinh năm 1989, nơi cư trú: thôn Á, xã T, huyện A dùng hung khí gây thương tích cho Anh Phạm Văn Đ - sinh năm 1993, nơi cư trú: thôn Q2, xã AT, huyện A. Vị trí 1 phía Bắc giáp, cách mép đường 5m, phía Nam cách cột điện đánh dấu X trên sơ đồ 4m, phía Đông là trục đường hướng đi công trào xã AT, phía Tây là trục đường hướng đi Trạm y tế xã AT. Tại vị trí số 2 được xác định đánh số trên sơ đồ là vị trí Phạm Văn Đ chạy đến và nằm xuống. Vị trí số 1 trên sơ đồ cách vị trí số 2 là 60,2m, vị trí số 2 phía Bắc cách nhà ông Ngô Đức T 2m, phía Nam cách mép đường 4m, phía Đông là trục đường hướng đi công trào xã AT, phía Tây là trục đường hướng đi Trạm y tế xã AT.

Tại Bản kết luận giám định số 136/KL - KTHS (SH) ngày 24/9/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự kết luận: Trên lưỡi kiếm gửi giám định có máu của Phạm Văn Đ, sinh năm 1993, nơi cư trú: Q2, AT, A, Hải Phòng.

Đến ngày 14/11/2022, Nguyễn Văn V đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về vật chứng của vụ án: 01 hung khí kim loại có vỏ hình trụ dài 54cm; bên trong chứa lưỡi lê kim loại dài 41cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 26cm, bản rộng nhất 02cm, phần cán dài 15cm; đầu lưỡi dao nhọn, bên trong dính vết màu đỏ.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo V và gia đình đã bồi thường cho bị hại Phạm Văn Đ số tiền 157.000.000 đồng, anh Đ không yêu cầu V phải bồi thường thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Bị hại Anh Phạm Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có quan điểm trong hồ sơ thể hiện: Gặp V lần đầu tại nhà Đ, trong quá trình nói chuyện thì bị hại có đề V xuống đất và kê dao vào cổ V. Bà Đỗ Thị T là mẹ của anh Đ chạy ra can ngăn và đẩy anh Đ vào trong nhà; bị hại ở trong nhà 1 lúc thì lấy xe đi chơi. Đến khoảng 16 giờ 00 phút, anh Đ đi đến cổng UBND xã thì bị ngã. Trong khi đang đứng dậy để phủi quần áo thì V đi xe máy đến một mình đến cách khoảng 02m rồi V xuống xe cầm theo 01 ống tuýp sắt hình trụ tròn màu đen dài khoảng 60cm. V đi đến gần chỗ anh Đ đứng rồi rút từ ống tuýp sắt ra 01 lưỡi lê đầu nhọn đâm nhiều nhất liên tiếp vào bụng (phía bụng bên trái sát cạnh sườn). Anh Đ lấy tay đỡ thì V tiếp tục đâm vào tay trái khiến bị hại chảy rất nhiều máu. Thấy vậy, anh Đ bỏ chạy qua cổng UBND xã theo hướng từ cổng UBND xã ra đường 360 khoảng 20m thì gục xuống ngất đi, khi tỉnh dậy thấy đang ở trong bệnh viện. Trong quá trình nằm viện thì gia đình V đã thanh toán tiền viện phí cho bị hại là 87.000.000 đồng, bồi thường thêm tiền mặt là 70.000.000 đồng; tổng cộng là 157.000.000 đồng. Bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo như nội dung trên và xin được giảm nhẹ hình phạt do hoàn cảnh gia đình kinh tế khó khăn, gia đình bị cáo chỉ có một mẹ một con, bố bị cáo đã mất, mẹ bị cáo ốm; bị cáo chưa có vợ con nên không có người chăm sóc mẹ.

Kiểm sát viên tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 57 của Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V mức án tù 12 đến 13 năm tù về tội “Giết người”.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị cáo đã bồi thường cho bị hại, bị hại không có yêu cầu bồi thường khác nên không đặt vấn đề giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy công cụ, phương tiện phạm tội là 01 hung khí kim loại có vỏ hình trụ dài 54cm; bên trong chứa lưỡi lê kim loại dài 41cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 26cm, bản rộng nhất 02cm, phần cán dài 15cm; đầu lưỡi dao nhọn, bên trong dính vệt màu đỏ.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn V phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo: Không có ý kiến về tội danh mà Viện Kiểm sát truy tố đối với bị cáo; bị cáo V phạm tội giết người nhưng ở giai đoạn “phạm tội chưa đạt”. Bị hại Đ đã có những hành vi như dùng vũ lực đe dọa, dùng dao dìm vào cổ bị cáo dẫn đến tinh thần của bị cáo bị kích động mạnh và bị hại có lỗi; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, r, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xử áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự và Công văn 276 ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao về áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội; xử phạt bị cáo 10 năm tù - dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng để bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội tìm kiếm việc làm, chăm sóc mẹ già, trở thành một công dân tốt cho gia đình, xã hội.

Kiểm sát viên đối đáp quan điểm của người bào chữa: Bị hại có hành vi dùng dao dìm vào cổ bị cáo nhưng đã được mẹ bị hại (bà T) và anh T can ngăn nên mâu thuẫn giữa bị cáo và bị hại đã được giải quyết xong. Như vậy, không thể nói bị cáo bị tinh thần kích động mạnh khi thực hiện hành vi phạm tội với bị hại. Bị cáo ra đầu thú sau khi Cơ quan điều tra đã giải quyết theo trình tự tin báo tố giác tội phạm nên không được áp dụng điểm r khoản 1 Điều 54 và chỉ được áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự như Kiểm sát viên đã luận tội. Về hình phạt đối với bị cáo, Kiểm sát viên đã đề nghị mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức

độ và hành vi phạm tội của bị cáo còn quan điểm của người bào chữa đề nghị mức hình phạt thấp hơn nữa là do Hội đồng xét xử quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về căn cứ xác định tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo:

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của những người làm chứng có trong hồ sơ vụ án, kết luận giám định, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ có đủ cơ sở kết luận: Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt, Nguyễn Văn V đã dùng lưỡi lê bằng kim loại, đầu sắc nhọn có tính sát thương cao, đâm 01 nhát vào vùng hiểm yếu trên cơ thể là vùng bụng Anh Phạm Văn Đ; hậu quả làm anh Đ bị vết thương thấu ngực bụng bên trái gây nên vết thương rách da khoảng liên sườn 6, 7 đường nách sau bên trái, tổn thương màng phổi trái, rách da cơ hoành trái, thủng hai mặt phình lớn dạ dày, rách lách, tổn thương động tĩnh mạch lách, tụ máu sau phúc mạc; tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể theo phương pháp cộng là 69% sức lao động. Khi thực hiện hành vi phạm tội với hung khí là vật sắc nhọn, có tính sát thương cao; bị cáo thực hiện hành vi đâm vào vùng hiểm yếu trên cơ thể của bị hại Đ, bị cáo không mong muốn nhưng phải ý thức được hậu quả chết người có thể xảy ra và bị cáo đã để mặc hậu quả xảy ra nên hành vi của bị cáo Nguyễn Văn V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” (chưa đạt) với tình tiết định khung tăng nặng “Có tính chất côn đồ” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[3] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4] Bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; đã bồi thường cho bị hại 157.000.000 đồng, sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú và bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, cơ quan điều tra đã giải quyết tin báo tố giác tội phạm giết người bị cáo mới ra đầu thú nên không được

hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “tự thú” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự như quan điểm của người bào chữa cho bị cáo. Người bào chữa cho bị cáo cũng cho rằng bị hại có lỗi đã tấn công bị cáo trước dẫn đến tinh thần của bị cáo bị kích động mạnh và thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, mâu thuẫn giữa bị hại và bị cáo khi gặp nhau tại nhà bị hại và bị hại Đ dí dao vào cổ bị cáo đã được mẹ anh Đ và anh T can ngăn; mâu thuẫn giữa bị cáo và bị hại đã được giải quyết xong. Sau một khoảng thời gian thì bị cáo mới gặp lại bị hại, hai bên có giằng co nhau nhưng tương quan lực lượng bị cáo đang cầm kiếm và chủ động tấn công bị hại nên không thể đánh giá bị cáo phạm tội khi tinh thần bị kích động mạnh và không đánh giá bị hại có lỗi như quan điểm của người bào chữa cho bị cáo. Do vậy, căn cứ tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo V, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử bị cáo trên mức khởi điểm của khung hình phạt mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo cũng như đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung.

- Về trách nhiệm dân sự:

[5] Do bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại tổng số tiền 157.000.000 đồng, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về xử lý vật chứng của vụ án:

[6] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 hung khí kim loại có vỏ hình trụ dài 54cm; bên trong chứa lưỡi lê kim loại dài 41cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 26cm, bản rộng nhất 02cm, phần cán dài 15cm; đầu lưỡi dao nhọn, bên trong dính vệt màu đỏ là công cụ, phương tiện phạm tội

- Về án phí:

[7] Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14; bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

[8] Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn V 13 (mười ba) năm tù về tội “Giết

người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 14 tháng 11 năm 2022.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 hung khí kim loại có vỏ hình trụ dài 54cm; bên trong chứa lưỡi lê kim loại dài 41cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 26cm, bản rộng nhất 02cm, phần cán dài 15cm; đầu lưỡi dao nhọn, bên trong dính vết màu đỏ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14; bị cáo Nguyễn Văn V phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Nguyễn Văn V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại Anh Phạm Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC; VKSNDCC;
- Vụ 1 - TANDTC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Trại tạm giam CATP Hải Phòng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thu